

GIỮ, Giá mục tiêu: 20,400 VND (upside: 14.6%)

Kết quả kinh doanh tăng trưởng khả quan trong năm 2022, động lực chính đến từ khoản thu nhập lãi thuần và thu nhập ngoài lãi đều tăng mạnh so với năm 2021. Lợi nhuận sau thuế đạt gần 7,750 tỷ đồng, tăng 28% so với năm 2021. Định giá cổ phiếu ở mức 20,400 đồng/cổ phiếu, chúng tôi khuyến nghị GIỮ cổ phiếu HDB.

Thông tin cập nhật

Kết quả kinh doanh tăng trưởng khả quan. Tổng thu nhập hoạt động trong năm 2022 tăng 31.1% so với năm ngoái, với động lực chính đến từ khoản thu nhập lãi thuần và ngoài lãi đều tăng mạnh svck. Khoản thu nhập lãi thuần tăng 30% svck, và thu nhập ngoài lai tăng 38% svck. Ngoài ra, trước diễn biến phức tạp trên thị trường chứng khoán năm 2022, khoản lợi nhuận từ mảng hoạt động kinh doanh chứng khoán ghi nhận gần 17 tỷ đồng, giảm 83.2% svck. Mặt khác, lợi nhuận từ hoạt động dịch vụ tăng mạnh 53% svck, gần 3 nghìn tỷ đồng, giúp khoản thu ngoài lãi đạt 3,960 tỷ đồng (tăng 38% svck).

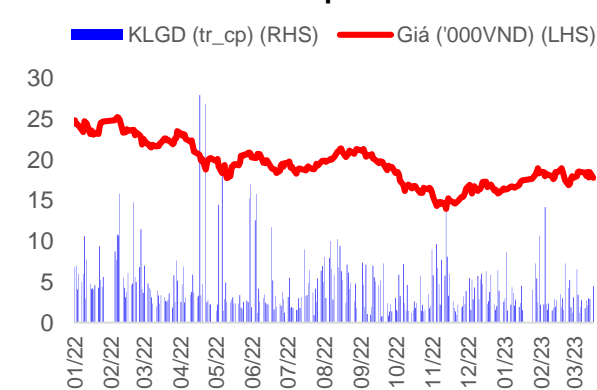
Chất lượng tài sản ổn định. Tỷ lệ nợ xấu tăng 2 điểm cơ bản svck, đạt 1.67%. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu đạt 70.4%.

NIM năm 2022 cao nhất trong hoạt động lịch sử của công ty nhờ có hệ sinh thái phát triển toàn diện.

Ngân hàng có tổng tài sản đạt 416,273 tỷ đồng. Tổng dư nợ tín dụng tăng 25.7% trong năm 2022, đạt gần 268 nghìn tỷ đồng (đã bao gồm khoản đầu tư TPDN)

Định giá cổ phiếu: Tại mức giá hiện tại 17,800 đồng/ cổ phiếu, chúng tôi khuyến nghị GIỮ với cổ phiếu HDB, với giá mục tiêu sau 12 tháng là 20,400 đồng/ cổ phiếu theo phương pháp kết hợp giữa RI và P/B

BIẾN ĐỘNG GIÁ



	1T	3T	6T	12T
HDB	-5.3%	6.9%	-10.3%	-19.4%
VN INDEX	-5.9%	0.0%	-16.1%	-30.4%

Ngày báo cáo	22/3/23
Giá hiện tại	VND 17,800
Giá mục tiêu	VND 20,400
TĂNG/GIẢM	14.6%
Bloomberg	HDB VN EQUITY
Vốn hoá thị trường	45,040.10
Biến động 52 tuần	VND 14,000
	VND 25,280
KLGD Trung bình	4,478,238
Sở hữu tối đa NN	20%
Sở hữu hiện tại NN	18.9%

Chỉ tiêu	ĐVT	2021	2022	2023F	2024F	2025F
Tổng thu nhập hoạt động	Tỷ đồng	16,758	21,967	24,640	27,993	31,203
Lợi nhuận trước thuế và chi phí	Tỷ đồng	10,375	13,336	15,672	18,673	21,514
Tăng trưởng so với cùng kỳ	%		29%	18%	19%	15%
Chi phí dự phòng	Tỷ đồng	2,306	3,068	3,947	3,838	4,091
Tăng trưởng so với cùng kỳ	%		33%	29%	-3%	7%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	8,070	10,268	11,725	14,835	17,423
Tăng trưởng so với cùng kỳ	%		27%	14%	27%	17%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	6,453	8,209	9,380	11,868	13,938
Tăng trưởng so với cùng kỳ	%		27%	14%	27%	17%
EPS (cơ bản)	đồng	3,016	3,063	3,525	4,508	5,327
BVPS	đồng	15,339	15,411	18,936	23,445	28,771
ROAA	%	1.6%	1.9%	1.9%	2.1%	2.2%
ROEA	%	19.7%	19.9%	18.6%	19.2%	18.5%
P/E	lần	5.9	5.8	5.0	3.9	3.3
P/B	lần	1.16	1.16	0.94	0.76	0.62

GIỮ, Giá mục tiêu: 20,400 VND (upside: 14.6%)

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH 2022

Trong quý 4, HDB ghi nhận gần **2,252 tỷ đồng** lợi nhuận trước thuế, tăng **13.4%** so với cùng kỳ (svck). Trong đó, khoản thu nhận lãi thuần tăng **31.4%**, lên gần **5 nghìn tỷ đồng**. Thu nhập ngoài lãi tăng nhẹ **6.8%** svck, đạt **937 tỷ đồng**.

Lũy kế đến ngày 31/12/2022, HDB ghi nhận lợi nhuận trước thuế đạt gần **10,300 tỷ đồng**, tăng trưởng hơn **27.2%** svck, và hoàn thành **105%** kế hoạch đã đề ra cho năm 2022. Lợi nhuận sau thuế đạt gần **7,750 tỷ đồng**, tăng **28%** svck. Tỷ lệ nợ xấu quý 4 tăng nhẹ 2 điểm cơ bản từ **1.65%** cuối năm 2021 lên **1.67%** cuối năm 2022. Tỷ lệ LLR đạt **70.42%**, (giảm **11%** so với quý 3 và **2.6%** so với cuối năm 2021).

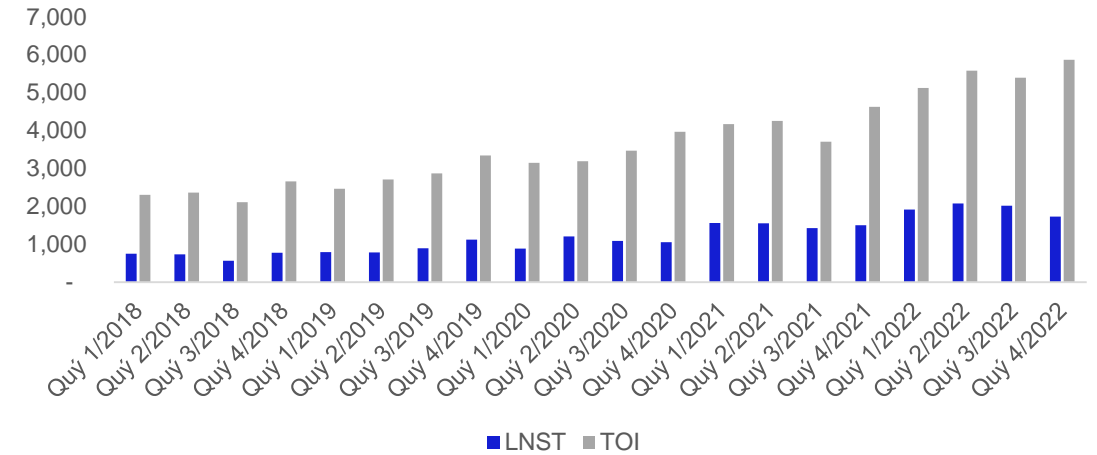
Thu nhập lãi thuần trong năm 2022 tăng **29.7%** svck, đạt hơn **18 nghìn tỷ đồng**. Về mảng thu nhập ngoài lãi, năm 2022 ghi nhận gần **4 nghìn tỷ đồng**, tăng **38%** svck, nhờ có khoản tăng trưởng mạnh ở mảng lãi thuần từ hoạt động dịch vụ (tăng **53.4%** svck, đạt gần **3 nghìn tỷ đồng**). Ngoài ra, năm 2022 chứng kiến sự không thuận lợi từ thị trường đầu tư tài chính, ngân hàng chỉ ghi nhận lần lượt **17 tỷ đồng** (giảm **83%** svck) và **313 tỷ đồng** (giảm **34.5%** svck) ở mảng kinh doanh và đầu tư chứng khoán. Chi phí hoạt động cũng tăng **35%** svck, đạt **8,631 tỷ đồng**.

Trong năm 2022, tăng trưởng tín dụng của ngân hàng tăng **25.65%**, đạt **268,157 tỷ đồng**. Trong đó, trái phiếu doanh nghiệp đạt **4,301 tỷ đồng**, giảm **58%** svck, và chiếm **1.6%** tổng tăng cho vay tín dụng. Mặt khác, huy động vốn đạt 366 nghìn tỷ đồng, trong đó tiền gửi của khách hàng trong năm 2022 tăng **17.7%**, đạt **215,797 tỷ đồng**, và gần gấp 3 lần mức tăng toàn ngành (khoảng 6%).

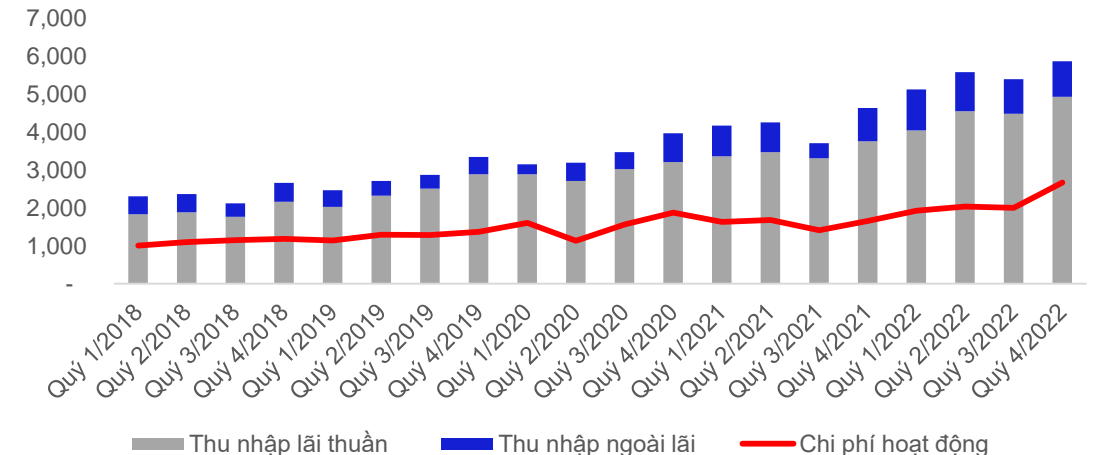
Các chỉ tiêu ROAE đạt 23.5% và ROAA đạt 2.1%. Hệ số an toàn vốn CAR đạt hơn 13.4% nằm trong nhóm cao dẫn đầu toàn ngành.

KẾT QUẢ KINH DOANH

ĐVT: Tỷ đồng



ĐVT: Tỷ đồng



GIỮ, Giá mục tiêu: 20,400 VND (upside: 14.6%)

LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ

Hạn mức tăng trưởng tín dụng trong năm 2023.

HDB là 1 trong 4 ngân hàng nhận chuyển giao bắt buộc trong năm 2022. Chính vì vậy, trong năm 2022, HDB có mức tăng trưởng tín dụng ấn tượng với trên 25%. Trong năm 2023, HDB được cấp room tín dụng là 11%, tương đương với 297,654.45 tỷ đồng. Đồng thời, HDB cũng là ngân hàng có hạn mức tín dụng được giao cao nhất toàn ngành.

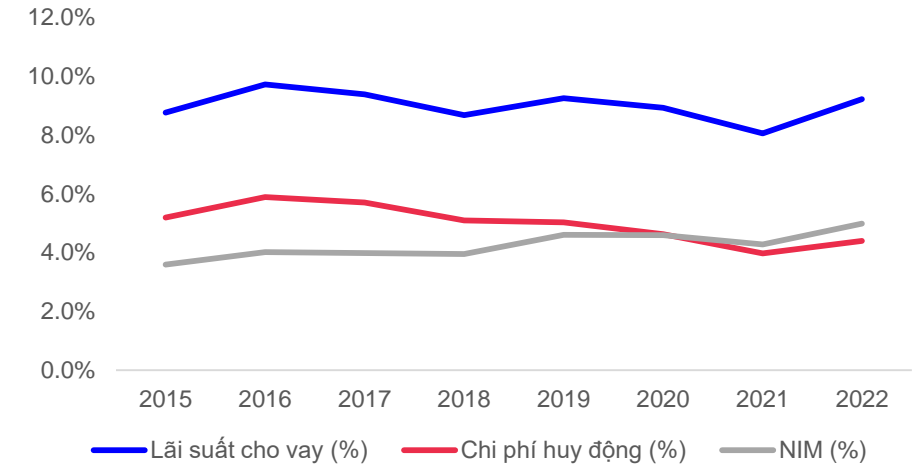
Biên lãi thuần vẫn giữ vững vị thế trong top các ngân hàng

- Trong năm 2022, có 8/27 ngân hàng có NIM giảm so với năm trước. Tuy nhiên, HDB vẫn giữ nguyên được vị thế trong năm 2022. NIM ngân hàng đạt 5%. Từ năm 2016- 2021, HDB luôn giữ được NIM trên 4%.
- Trong năm 2023, lãi suất điều hành có xu hướng giảm và dự kiến sẽ giảm mạnh hơn vào nửa cuối năm. Điều này sẽ giúp cho các ngân hàng giảm áp lực chi phí huy động và có nhiều dư địa để hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc hạ lãi suất cho vay hơn trong tương lai.

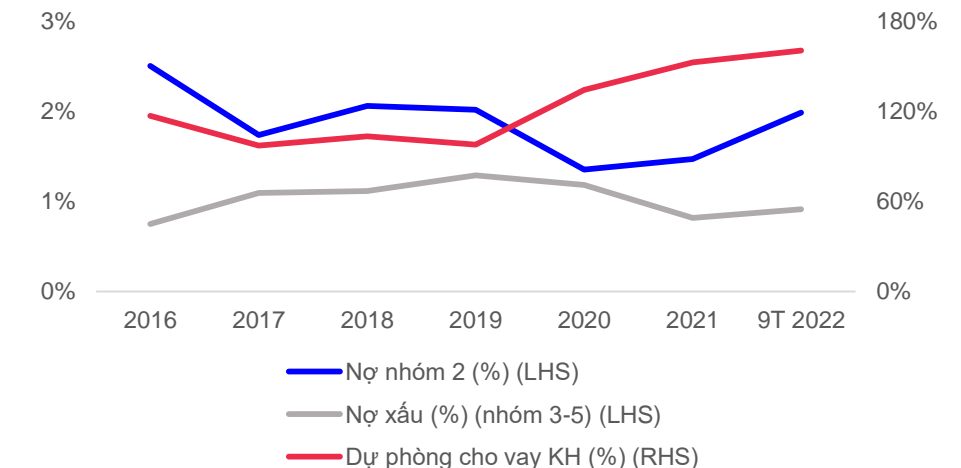
Đóng góp của HD SAISON đối với ngân hàng mẹ.

- Lợi nhuận trước thuế năm 2022 của HD Saison đạt **1,152 tỷ đồng**, và cũng là năm thứ 4 liên tiếp có lãi trên 1,000 tỷ đồng. Tỷ lệ ROAE và ROAA lần lượt đạt **24.2%** và **5.8%**.
- Năm 2022, tổng thu nhập của doanh nghiệp đạt **5,701 tỷ đồng**, tăng **21.7%** so với năm 2021. Trong đó, chi phí hoạt động ở mức **2,178 tỷ đồng**, tăng **5.7%** svck. Theo đó, tỷ lệ CIR giảm mạnh từ **44%** xuống **38.2%**.
- Chi phí vốn ở mức **7.4%**, tăng so với năm 2021 nhưng thấp hơn so với giai đoạn 2017-2020.
- Chất lượng tài sản được kiểm soát chặt chẽ, tỷ lệ nợ xấu giảm so với năm 2021. Nhờ đó, tỷ lệ nợ xấu của ngân hàng hợp nhất năm 2022 chỉ ở mức **1.67%** - mức thấp so với những ngân hàng có công ty tài chính tiêu dùng khác.

KHẢ NĂNG SINH LỜI



KHẢ NĂNG QUẢN LÝ NỢ



NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN TP HỒ CHÍ MINH (HOSE:HDB)

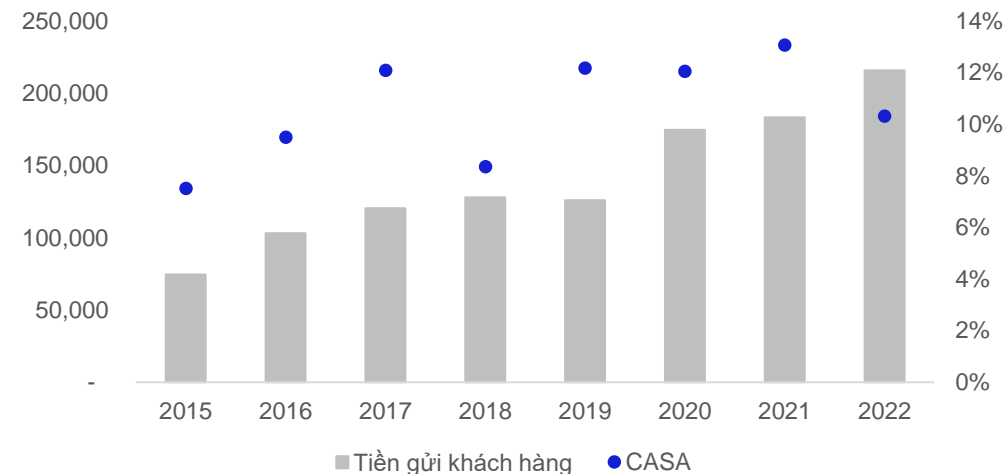
GIỮ, Giá mục tiêu: 20,400 VND (upside: 14.6%)

RỦI RO ĐẦU TƯ

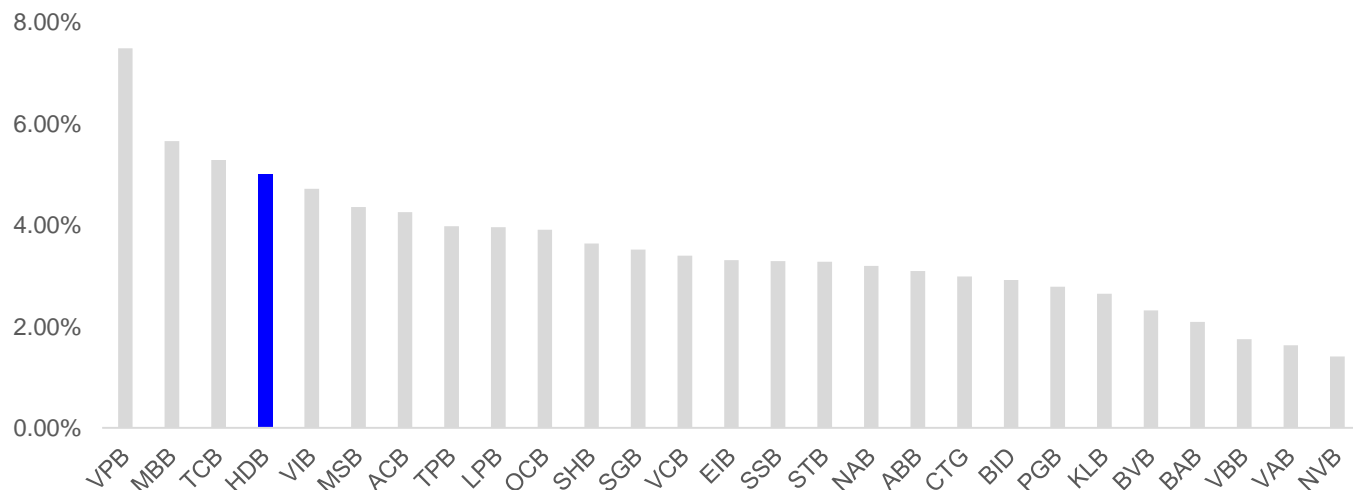
- HDB đã hoàn thành việc xin ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua phương án phát hành **500 triệu USD** trái phiếu chuyển đổi quốc tế, và được thông qua với tỷ lệ 79.3%.
- Theo đó HDB sẽ phát hành tối đa 5,000 trái phiếu chuyển đổi quốc tế qua phương thức phát hành riêng lẻ, tổng mệnh giá phát hành dự kiến tối đa là 500 triệu USD. Thời gian thực hiện dự kiến trong 2 năm 2023 và 2024.
- Đây là loại hình trái phiếu chuyển đổi bổ sung vốn tự có cấp 2 của HDBank và có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông.
- Đến cuối năm 2022, HDBank có tổng dư nợ trái phiếu 25,773 tỷ đồng, giảm hơn 3,100 tỷ đồng so với đầu năm. Trong đó, gần 19.500 tỷ đồng là trái phiếu phát hành có thời hạn từ 12 tháng đến dưới 5 năm, còn lại là từ 5 năm trở lên.

TỶ LỆ CASA VÀ TĂNG TRƯỞNG TIỀN GỬI

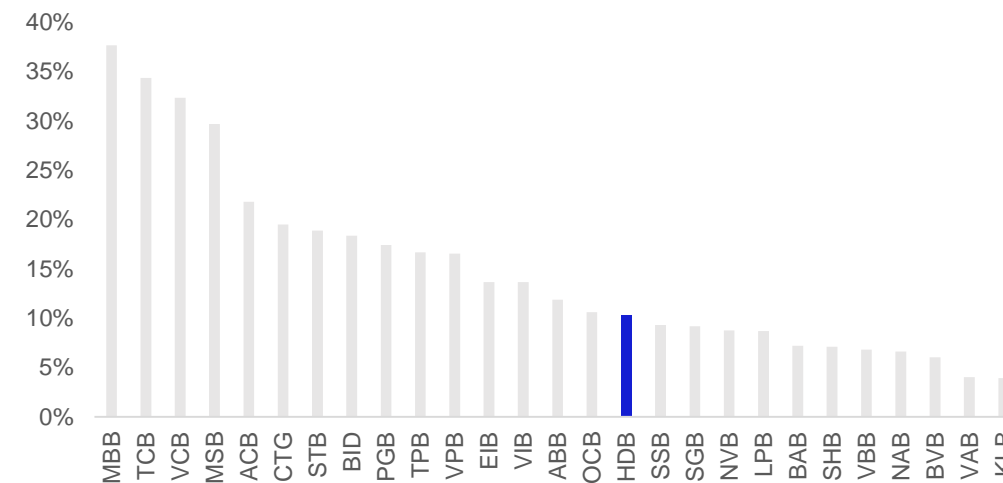
ĐVT: Tỷ đồng



NIM CỦA CÁC NGÂN HÀNG 2022



TỶ LỆ CASA CỦA CÁC NGÂN HÀNG 2022



NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN TP HỒ CHÍ MINH (HOSE:HDB)



GIỮ, Giá mục tiêu: 20,400 VND (upside: 14.6%)

RỦI RO ĐẦU TƯ

Room tín dụng đang là vấn đề đối với toàn ngành khi Ngân hàng nhà nước chịu tác động bởi áp lực lạm phát toàn cầu mà trở nên thận trọng hơn trong việc nới room tín dụng. Chúng tôi cho rằng mức tín dụng toàn ngành trong năm 2023 sẽ đạt 12%-13%.

Ngoài ra, trước biến động lãi suất huy động và lãi suất cho vay, NIM của HDB nói riêng và toàn ngành ngân hàng nói chung có thể suy giảm mạnh hơn dự kiến trong thời gian tới, tác động tiêu cực lên kết quả kinh doanh của ngân hàng.

MÔ HÌNH DỰ PHÓNG VÀ ĐỊNH GIÁ

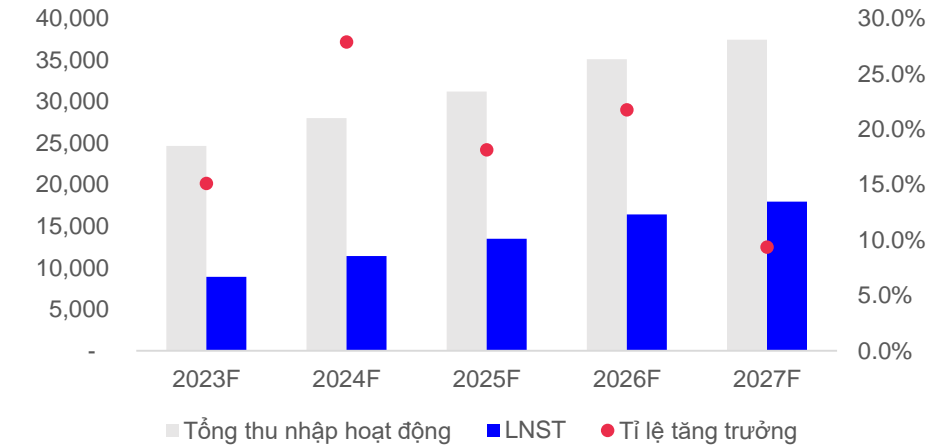
Chúng tôi dự phóng:

- TOI của HDB trong năm 2023 sẽ đạt 24,640 tỷ đồng, tăng 12.2% svck
- LNTT 2023F đạt 11,725 tỷ đồng, tăng 14.2% svck
- Chi phí DPRRTD 2023F đạt gần 4 nghìn tỷ đồng, tăng 28.6% svck.
- Thu nhập từ lãi dự tính đạt 82.4% tổng thu nhập hoạt động trong năm 2023.
- Chi phí hoạt động đạt 4,700 tỷ đồng trong năm 2022 (+3.2% yoy) và 4,900 tỷ đồng 2023F (+3.7% yoy).
- Trước biến động của lãi suất huy động và lãi suất cho vay như hiện tại, chúng tôi cho rằng tỷ lệ CASA của HDB trong năm 2023F sẽ ở quanh mức 14%/ năm

Tăng trưởng tín dụng được chúng tôi dự tính sẽ đạt mức 15% trong năm 2023. So với mức 11% được giao vào đầu năm 2023, chúng tôi cho rằng ngân hàng sẽ được nới thêm 4% nữa trong giai đoạn sau của 2023.

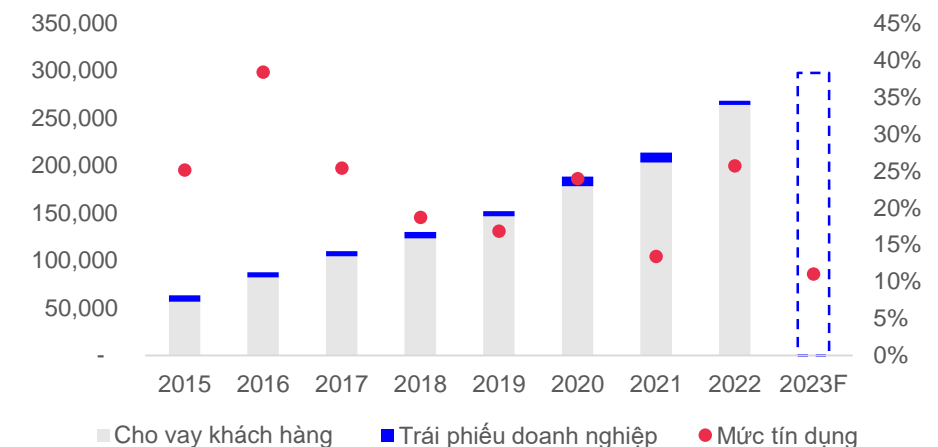
MỨC TĂNG TRƯỞNG DOANH THU

ĐVT: Tỷ đồng



MỨC TĂNG TRƯỞNG TÍN DỤNG

ĐVT: Tỷ đồng



NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN TP HỒ CHÍ MINH (HOSE:HDB)

KẾT QUẢ KINH DOANH	ĐVT	2021	2022	2023F	2024F	2025F
Thu nhập lãi thuần	tỷ đồng	13,891	18,012	20,298	23,217	26,128
Lãi/Lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	tỷ đồng	1,927	2,957	3,270	3,625	3,847
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và vàng	tỷ đồng	179	134	148	162	171
Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	tỷ đồng	101	17	19	21	22
Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	tỷ đồng	477	313	344	378	416
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	tỷ đồng	-	7	7	7	8
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động khác	tỷ đồng	183	528	554	582	611
Thu nhập ngoài lãi	tỷ đồng	2,867	3,956	4,342	4,776	5,074
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG	tỷ đồng	16,758	21,967	24,640	27,993	31,203
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	tỷ đồng	6,383	8,631	8,968	9,320	9,689
LN thuần từ hoạt động kinh doanh trước CF dự phòng rủi ro tín dụng	tỷ đồng	10,375	13,336	15,672	18,673	21,514
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	tỷ đồng	2,306	3,068	3,947	3,838	4,091
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	tỷ đồng	8,070	10,268	11,725	14,835	17,423
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	tỷ đồng	1,616	2,059	2,345	2,967	3,485
TỔNG LỢI NHUẬN SAU THUẾ	tỷ đồng	6,453	8,209	9,380	11,868	13,938
Lợi ích của cổ đông thiểu số	tỷ đồng	400	460	460	460	460
Cổ đông của Công ty mẹ	tỷ đồng	6,853	8,669	9,840	12,327	14,398
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	đồng	3,039	3,081	-	-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		2021	2022	2023F	2024F	2025F
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	tỷ đồng	2,446	2,938	3,318	6,518	5,078
Tiền gửi tại Ngân hàng nhà nước Việt Nam	tỷ đồng	11,848	11,273	10,734	12,075	10,353
Tiền gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác	tỷ đồng	55,943	49,132	59,491	73,043	69,283
Chứng khoán kinh doanh	tỷ đồng	11,198	1,798	3,034	3,892	3,886
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	tỷ đồng	-	-	-	-	-
Cho vay khách hàng	tỷ đồng	200,759	260,755	299,555	349,052	413,727
Hoạt động mua nợ	tỷ đồng	-	-	-	-	-
Chứng khoán đầu tư	tỷ đồng	65,513	48,789	56,748	62,078	66,551
Góp vốn, đầu tư dài hạn	tỷ đồng	124	144	208	219	258
Tài sản cố định	tỷ đồng	1,366	1,315	1,445	1,486	1,579
Bất động sản đầu tư	tỷ đồng	-	-	-	-	-
Tài sản Có khác	tỷ đồng	25,415	40,128	32,314	26,857	46,736
TỔNG TÀI SẢN	tỷ đồng	374,612	416,273	466,847	535,219	617,450

TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	tỷ đồng	343,821	377,278	418,932	475,896	544,648
Các khoản nợ chính phủ và NHNN Việt Nam	tỷ đồng	93	10,821	3,315	4,705	6,884
Tiền gửi và vay các TCTD khác	tỷ đồng	107,243	92,653	109,068	125,706	149,808
Tiền gửi của khách hàng	tỷ đồng	183,283	215,797	241,693	263,445	295,059
Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	tỷ đồng	16	226	227	227	227
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư của Chính phủ và các tổ chức tín dụng khác	tỷ đồng	2,937	2,860	4,281	4,647	5,321
Phát hành giấy tờ có giá	tỷ đồng	42,756	44,162	48,580	63,434	70,810
Các khoản nợ khác	tỷ đồng	7,495	10,758	11,768	13,732	16,540
VỐN CHỦ SỞ HỮU	tỷ đồng	30,790	38,995	47,915	59,323	72,802
Vốn điều lệ	tỷ đồng	20,196	25,426	25,426	25,426	25,426
Cổ phiếu quỹ	tỷ đồng	2,547	3,528	4,608	6,020	7,670
Vốn khác	tỷ đồng	-	-	-	-	-
Quỹ của tổ chức tín dụng	tỷ đồng	-	-	-	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	tỷ đồng	6,290	8,000	15,840	25,836	37,664
Lợi ích của cổ đông thiểu số	tỷ đồng	1,757	2,041	2,041	2,041	2,041
NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	tỷ đồng	374,612	416,273	466,847	535,219	617,450

Nguồn: HDB, MBS tổng hợp

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH THEO QUÝ	ĐVT	Quý 4 2021	Quý 4 2022	yoy
Thu nhập lãi thuần	tỷ đồng	3,753	4,932	31%
Thu nhập ngoài lãi	tỷ đồng	877	937	7%
Tổng thu nhập hoạt động	tỷ đồng	4,630	5,869	27%
Chi phí hoạt động	tỷ đồng	1,657	2,671	61%
Lợi nhuận trước chi phí dự phòng	tỷ đồng	2,973	3,198	8%
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	tỷ đồng	988	946	-4%
Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	1,985	2,252	13%
Tăng trưởng tín dụng so với đầu kỳ		13%	26%	
Tăng trưởng tiền gửi KH so với đầu kỳ		5%	18%	
Chi phí hoạt động/ Tổng thu nhập hoạt động		36%	46%	

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH	ĐVT	2021	2022	2023F	2024F	2025F
Tăng trưởng TS & LN						
TT về tài sản	%	17.39	11.12	12.15	14.65	15.36
TT dư nợ & đầu tư	%	13.60	16.31	15.22	15.46	16.79
TT tiền gửi của KH & Phát hành GTCG	%	8.18	15.01	11.66	12.61	11.93
TT LN trước chi phí dự phòng & thuế	%	36.40	28.54	17.52	19.15	15.21
TT lợi nhuận trước thuế	%	38.70	27.24	14.19	26.52	17.45

An toàn vốn						
Tổng nợ phải trả/Vốn CSH	lần	11.17	9.68	8.74	8.02	7.48
Vốn CSH/Tổng TS	%	8.22	9.37	10.26	11.08	11.79
Tổng TS/Vốn CSH	lần	0.12	0.11	0.10	0.09	0.08

Chất lượng TS						
Nợ xấu (nhóm 3-5)	%	1.65	1.67	1.84	1.72	1.74
Nợ nhóm 2	%	2.63	2.80	2.60	2.68	2.69
Dự phòng cho vay KH/ Nợ xấu	%	72.98	70.42	69.49	78.07	74.79

Thanh khoản						
Dư nợ/ vốn huy động	%	64.04	76.05	77.22	79.38	82.45
TS thanh khoản cao/ Tổng TS	%	18.75	15.22	15.75	17.12	13.72
TS thanh khoản cao/ Tiền gửi KH	%	38.32	29.35	30.43	34.78	28.71

Lợi nhuận						
ROA	%	1.62	1.86	1.91	2.13	2.18
ROE	%	19.66	19.87	18.62	19.23	18.51
NIM	%	4.28	4.98	5.02	4.95	4.86
Thu nhập lãi thuần/Tổng thu nhập hoạt động	%	82.89	81.99	82.38	82.94	83.74
Chi phí hoạt động/ Tổng thu nhập hoạt động	%	38.09	39.29	36.39	33.29	31.05

Định giá						
EPS (cơ bản)	đồng	3,016	3,063	3,525	4,508	5,327
BVPS	đồng	15,339	15,411	18,936	23,445	28,771
P/E	lần	5.90	5.81	5.05	3.95	3.34
P/B	lần	1.16	1.16	0.94	0.76	0.62

Liên hệ: Phòng Nghiên cứu Khách hàng Tổ chức – Khối Nghiên cứu

Trưởng Phòng

Hoàng Công Tuấn Tuan.HoangCong@mbs.com.vn

Nhóm nghiên cứu Kinh tế vĩ mô

Kinh tế vĩ mô

Lê Minh Anh Anh.LeMinh@mbs.com.vn

Nhóm Nghiên cứu Ngành và Cổ phiếu

Năng lượng - Dầu khí

Chu Thế Huỳnh Huynh.ChuThe@mbs.com.vn

Hàng tiêu dùng - Bán lẻ

Phạm Thùy Trang Trang.PhamThuy@mbs.com.vn

Tài chính - Ngân hàng

Đỗ Lan Phương Phuong.DoLan@mbs.com.vn

Thực phẩm – Đồ uống

Nguyễn Thành Công Cong1.NguyenThanh@mbs.com.vn

Bất động sản - Tài chính

Đinh Công Luyện Luyen.DinhCong@mbs.com.vn

Hệ Thống Khuyến Nghị: Hệ thống khuyến nghị của MBS được xây dựng dựa trên mức chênh lệch của giá mục tiêu 12 tháng và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm đánh giá

Xếp hạng	Khi (giá mục tiêu – giá hiện tại)/giá hiện tại
MUA	>=15%
GIỮ	Từ -15% đến +15%
BÁN	<= -15%

MBS SECURITIES

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB), Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 5 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm không ngừng phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam cung cấp các dịch vụ bao gồm: môi giới, nghiên cứu và tư vấn đầu tư, nghiệp vụ ngân hàng đầu tư và các nghiệp vụ thị trường vốn. Mạng lưới chi nhánh và các phòng giao dịch của MBS đã được mở rộng và hoạt động có hiệu quả tại nhiều thành phố trọng điểm như Hà Nội, TP, HCM, Hải Phòng và các vùng chiến lược khác, Khách hàng của MBS bao gồm các nhà đầu tư cá nhân và tổ chức, các tổ chức tài chính và doanh nghiệp, Là thành viên Tập đoàn MB bao gồm các công ty thành viên như: Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư MB (MB Capital), Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản MB (AMC), Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei (MS Finance). MBS có nguồn lực lớn về con người, tài chính và công nghệ để có thể cung cấp cho Khách hàng các sản phẩm và dịch vụ phù hợp mà rất ít các công ty chứng khoán khác có thể cung cấp.

MBS RESEARCH | TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Copyrights. MBS 2020, ALL RIGHTS RESERVED. Bản quyền năm 2020 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS), Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng, Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS, Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào, Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.

MBS HỘI SỞ

Tòa Nhà MB, 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội | Tel: +84 24 7304 5688 – Fax: +84 24 3726 2601 | Website: www.mbs.com.vn